

Số: 11/NQ-HĐND

Tuy Phước Bắc, ngày 31 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Tuy Phước Bắc**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TUY PHƯỚC BẮC
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Tuy Phước Bắc; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-KTNS ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tiếp nhận toàn bộ các Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của xã Phước Hưng, xã Phước Quang và xã Phước Hiệp cũ thành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Tuy Phước Bắc.

(Kèm theo phụ lục 01).

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025:

1. Nguyên tắc

1.1. Điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án hoàn thành hết khối lượng để bổ sung cho các dự án có khối lượng thực hiện và các dự án khởi công mới.

1.2. Điều chỉnh các danh mục dự án do cấp huyện làm chủ đầu tư có sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, trong đó chuyển các dự án trọng điểm về cho các đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư thực hiện dự án, các dự án còn lại đưa về cấp xã phường làm chủ đầu tư.

1.3. Điều chỉnh các danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách huyện, trong đó chuyển các dự án trọng điểm về cho các đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư, các dự án còn lại chuyển về cho các đơn vị cấp xã, phường mới thực hiện cho đến khi hoàn thành dự án theo nguyên tắc dự án trên địa bàn xã, phường nào sẽ giao lại cho xã phường đó làm chủ đầu tư thực hiện dự án. Đối với các dự án do các xã, phường trước đây thực hiện, các xã, phường mới tiếp nhận toàn bộ kế hoạch, dự án để tiếp tục triển khai thực hiện.

1.4. Nguồn lực thực hiện theo nguyên tắc

- Đối với các danh mục dự án được điều chỉnh đưa về các đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư: Phần ngân sách thuộc trách nhiệm của tỉnh sẽ tiếp tục bố trí theo quy định; phần ngân sách thuộc trách nhiệm của cấp huyện sẽ được tiếp tục bố trí bằng cách rút dự toán chi đầu tư đã phân cấp cho cấp bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh để chi trả.

- Đối với các danh mục dự án được điều chỉnh đưa về cho các đơn vị cấp xã, phường mới làm chủ đầu tư: Sau khi trừ đi phần kế hoạch đã giải ngân đến ngày 30/6/2025, phần kế hoạch còn lại sẽ được tiếp tục bố trí bằng cách rút dự toán chi đầu tư đã phân cấp cho cấp huyện (nguồn vốn đầu tư tập trung và nguồn thu tiền sử dụng đất) bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của xã, phường để chi trả. Trường hợp sau khi bổ sung phần kế hoạch vốn nêu trên cho xã, phường mới mà vẫn chưa đảm bảo nguồn để thực hiện hoàn thành dự án, ngân sách tỉnh sẽ cân đối nguồn lực để hỗ trợ thực hiện hoàn thành các dự án nêu trên.

2. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

2.1. Đối với phần kế hoạch trung hạn của xã Phước Hưng

Tổng kế hoạch vốn 123.016 triệu đồng (tỉnh 4.031 triệu đồng, huyện 32.653 triệu đồng, xã 82.832 triệu đồng, khác 3.500 triệu đồng), gồm 114 công trình.

2.2. Đối với phần kế hoạch trung hạn của xã Phước Quang

Tổng kế hoạch vốn 122.957 triệu đồng (Trung ương 2.804 triệu đồng, tỉnh 4.713 triệu đồng, huyện 33.509 triệu đồng, xã 81.931 triệu đồng), gồm 102 công trình.

2.3. Đối với phần kế hoạch trung hạn của xã Phước Hiệp

Tổng kế hoạch vốn 75.794 triệu đồng (Trung ương 3.298 triệu đồng, tỉnh 5.028 triệu đồng, huyện 42.381 triệu đồng, xã 25.087 triệu đồng), gồm 108 công trình.

2.4. Các công trình bổ sung mới

Tổng kế hoạch vốn 2.000 triệu đồng, gồm 06 công trình.

3. Hợp nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của xã Phước Hưng, xã Phước Quang và xã Phước Hiệp cũ thành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Tuy Phước Bắc.

Tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 xã Tuy Phước Bắc 323.767 triệu đồng (Trung ương 6.102 triệu đồng tỉnh 15.772 triệu đồng, huyện 108.542 triệu đồng, xã 189.851 triệu đồng, khác 3.500 triệu đồng)

(Kèm theo phụ lục 02).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tuy Phước Bắc Khóa I Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- TT. Đảng ủy (b/cáo);
- TT. HĐND xã;
- CT UBND, các PCT UBND xã;
- UBNDTTQVN xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các phòng, ban, ngành liên quan;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Thanh Nguyệt

**DANH MỤC NGHỊ QUYẾT GIAO, ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 17/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

STT	Số Nghị quyết, ngày, tháng, năm	Tên Nghị quyết	Ghi chú
I Xã Phước Hưng			
1	16/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	Phê chuẩn Danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 về tăng cường kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn	
2	67/NQ-HĐND ngày 20/12/2024	Phê chuẩn Danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 về tăng cường kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn	
II Xã Phước Quang			
1	04/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	Phê chuẩn kế hoạch vốn đầu tư công Trung hạn giai đoạn 2021-2025	
2	16/NQ-HĐND ngày 20/12/2024	Phê chuẩn bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
III Xã Phước Hiệp			
1	04/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	Phê duyệt đầu tư xây dựng trung hạn giai đoạn 2021-2025	
2	11/NQ-HĐND ngày 20/12/2024	Phê duyệt bổ sung danh mục công trình đầu tư xây dựng trung hạn giai đoạn 2021-2025	

Chuyên

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ

XÃ TUY PHƯỚC BẮC

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của HĐND xã Tuy Phước Bắc)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư dự án					Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó					
				TW	tỉnh	huyện	xã	Vốn khác		TW	tỉnh	huyện	xã		Vốn khác
	TỔNG CỘNG		2.518.762	5.897	18.340	126.557	2.364.469	3.500	323.767	6.102	15.772	108.542	189.851	3.500	
	TỔNG CÔNG TRÌNH 03 XÃ		2.518.762	5.897	18.340	126.557	2.364.469	3.500	321.767	6.102	13.772	108.542	189.851	3.500	
I	XÃ PHƯỚC HƯNG		2.207.996	-	3.337	44.677	2.156.482	3.500	123.016	-	4.031	32.653	82.832	3.500	
1	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Quảng Nghiệp	55/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	1.465			547	918		1.252		-	547	705		
2	Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư trung tâm An Cửu	26/QĐ-UBND ngày 26/3/2021	1.075			445	631		969		-	445	524		
3	Xây dựng trạm bơm điện cánh Bắc đập Gò Đậu xã Phước Hưng	5988/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	637			234	403		534		-	234	300		
4	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Quảng Nghiệp; Đoạn: Từ ĐT636 (nhà ông Đầu) đến ĐT636 (nhà ông Thương)	3487/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	3.631			1.123	2.508		2.580		-	1.123	1.457		
5	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Biểu Chánh; Đoạn từ cổng chào Biểu Chánh đến nhà bà Nguyễn Thị Bờ xóm 2	13/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	840			355	484		803		-	355	448		
6	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Nho Lâm; Đoạn: từ đường liên xã đến khu di tích lịch sử thăm sát Nho Lâm	1338/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	2.008			722	1.287		1.660		-	722	938		
7	Sửa chữa cầu xóm 20 thôn Nho Lâm	57/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	396				396		365		-	-	365		
8	Sửa chữa, nâng cấp cổng chào huyện tại xã Phước Hưng; Tuyến: ĐT636 giáp ranh với TX An Nhơn	58/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	869			730	139		808		-	730	78		
9	Xây dựng bể tiêu năng tràn xóm 5 thôn Quảng nghiệp	26/QĐ-UBND ngày 26/3/2021	424				424		392		-	-	392		
10	KCHKM xóm 15 + 16 thôn Háo Lễ; Tuyến từ nhà Phan Văn Mãi đến nhà Võ Long Cư	56/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	681		91	170	420		481		91	170	220		
11	Mở rộng giao thông thôn Háo Lễ; Tuyến từ Cầu 15 đến nhà ông Võ Long Cư	14/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	941			380	561		865		-	380	485		
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đồ án Các điểm dân cư năm 2018 của xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	3524/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	45				45		20		-	-	20		

Chữ ký

13	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đồ án các điểm dân cư năm 2019 tại xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	4897/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	267			267		267		-	-	267		
14	Sửa chữa nhà văn hóa xã; Hạng mục: Sân nền, dụng cụ thể theo ngoài trời, thiết bị	48/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	962.040			962.040		833		-	-	833		
15	Tuyến kênh tưới xóm 3 Quảng nghiệp	52/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	563	89	127	347		389		89	127	173		
16	Tuyến kênh tưới kẹp theo S1 Biểu Chánh	53/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	476	87	97	292		318		87	97	134		
17	Kênh mương Nam Gò Đậu xóm 18	54/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	116	22	23	71		78		22	23	33		
18	Xây dựng Chợ Háo Lễ	929/QĐ-UBND ngày 11/3/2022	12.022			4.944	7.078	11.018		-	4.944	6.074		
19	Trường Mầm non Phước Hưng; Hạng mục: Sân nền, tường rào cổng ngõ và nhà bảo vệ	7180/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	1.145			480	665	1.086		-	480	606		
20	Trường tiểu học số 1 Phước Hưng (điểm trường Quảng Nghiệp); Hạng mục: Đền bù giải phóng mặt bằng	55/QĐ-UBND ngày 10/12/2043	1.400				1.400	1.400		-	-	1.400		
21	Trường tiểu học số 2 Phước Hưng; Hạng mục: Sân nền, nhà vệ sinh, vỉa hè và hệ thống thoát nước	7181/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	1.099			463	636	1.045		-	463	582		
22	Giao thông xã; Đoạn từ ĐT 636 đến UBND xã; Hạng mục: Cải tạo hoa viên, sơn vạch kẻ đường và vỉa hè	6797/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	1.034			427	607	954		-	427	527		
23	Giao thông Nho Lâm; Đoạn: Từ đường liên xã đến nhà ông Thành Chê; Hạng mục: Hệ thống thoát nước + bó vỉa	24/QĐ-UBND ngày 05/5/2022	570				570	529		-	-	529		
24	Hệ thống thoát nước mưa dân cư xóm 18	20/QĐ-UBND ngày 26/4/2022	353				353	330		-	-	330		
25	KCH kênh mương thôn Quảng Nghiệp; Tuyến kênh tưới xóm 3 Quảng Nghiệp (đoạn 2)	57/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	845	98	290	456		755		98	290	367		
26	KCH kênh mương thôn Quảng Nghiệp; Tuyến: kênh tưới xóm 6 (Chùa Bích Nam đến mương TAX3)	58/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.284	220	377	687		1.095		220	377	498		
27	KCH kênh mương thôn Biểu Chánh; Tuyến: kênh tưới kẹp theo S1 Biểu Chánh (đoạn 2)	47/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	804	111	240	453		662		111	240	311		
28	KCHKM thôn Biểu Chánh; Tuyến kênh tưới xóm 1 đến khẩu đập Gò Đậu	46/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	554	64	176	315		466		64	176	226		
29	KCH kênh mương thôn Tân Hội; Tuyến đường liên xã đến Man Đức Thiện + dưới nhà hàng Nam Thái	55/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	826	119	243	463		681		119	243	319		
30	KCH kênh mương kết hợp GTND thôn Lương Lộc; Tuyến: dưới nhà Ba Nam đến giáp mương bê tông cũ xóm 14	56/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.375	187	404	785		1.117		187	404	526		
31	Gia cố mái kênh Vân Triều; Tuyến: Từ Cầu 16 đến Đập Bận Như	49/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	1.196				1.196	1.113		-	-	1.113		

Thygen

32	KCHKM xóm 15 thôn Háo Lễ; Tuyến từ Vân Triều đến giáp Bờ Bận xóm 16 (kênh hình thang)	48/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	1.152		77	413	662		1.080		77	413	590		
33	Bê tông giao thông nông thôn Quảng Nghiệp; Tuyến Trần xóm 3 đến bê tông xóm 4	44/QĐ-UBND ngày 05/9/2022	589			66	523		394		-	66	328		
34	Bê tông giao thông nông thôn Háo Lễ; Tuyến từ cầu Háo Lễ đến nhà ông Liêm Tân Hội; Tuyến bê tông xóm 15 đến nhà ông Trần Xuân Phương + Đặng Văn Minh +	44/QĐ-UBND ngày 05/9/2023	330			80	250		255		-	80	175		
35	Nâng cấp bê tông giao thông nông thôn Biểu Chánh, Quảng Nghiệp và An Cừ; Hạng mục: Bê tông nhựa	52/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	1.235				1.235		1.147		-	-	1.147		
36	Nâng cấp bê tông giao thông nông thôn Tân Hội, Lương Lộc, Háo Lễ và Nho Lâm; Hạng mục: Bê tông nhựa	53/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	1.232				1.232		1.143		-	-	1.143		
37	Bê tông giao thông nông thôn Nho Lâm; Tuyến từ Sông Gò Châm đến nhà ông Chương + 8 Đức xóm 20 Nho Lâm; Tuyến từ bê tông xóm 20 đến giáp Phước Quang (Bờ Bắc)	40/QĐ-UBND ngày 05/9/2022	783			90	693		553		-	90	463		
38	Bê tông giao thông nông thôn Háo Lễ - Nho Lâm; Tuyến từ Cầu 19 đến Cầu 20 Nho Lâm (Bờ Nam)	41/QĐ-UBND ngày 05/9/2022	836			83	753		612		-	83	529		
39	Bê tông giao thông nông thôn Tân Hội; Tuyến đường liên xã đến nhà Man Đức Thiện; Tuyến từ nhà ông Liêm đến Hợp tác xã Phước Hưng	43/QĐ-UBND ngày 05/9/2022	976			50	926		789		-	50	739		
40	Khu trung tâm xã; Hạng mục: Đường giao thông, hệ thống thoát nước và vỉa hè	6796/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	586			250	335		557		-	250	307		
41	Pano tuyên truyền trực quan	60/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	398				398		376		-	-	376		
42	Hạ tầng khu dân cư năm 2021 tại xã Phước Hưng	2451/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	1.182				1.182		1.114		-	-	1.114		
43	Di dời đường dây 0,4 KV thuộc trạm biến áp Tây Quảng Nghiệp	67/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	491				491		464		-	-	464		
44	Khu vui chơi giải trí thôn Háo Lễ (giai đoạn 1); Hạng mục: Sân nền, hệ thống thoát nước	66/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	931				931		866		-	-	866		
45	Trường tiểu học số 2 Phước Hưng; Hạng mục: Sân thể thao	68/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	1.050		879		171		996		879	-	117		
46	Cải tạo Chợ Háo Lễ; Hạng mục: Sân nền và hệ thống thoát nước	26/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	1.098			457	641		1.021		-	457	564		
47	Xây dựng Nhà máy sấy lúa cho Hợp tác xã Nông nghiệp Phước Hưng	3895/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	6.020			2.420	3.600		5.678		-	2.420	3.258		
48	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đồ án: Quy hoạch chi tiết điểm Tiểu thủ công nghiệp xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước thành Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đồ án: Khu sản xuất - Thương mại - Dịch vụ xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	6867/QĐ-UBND ngày 08/08/2023	278				278		222		-	-	222		

Thylen

49	Hệ thống thoát nước mưa xóm 3 Quảng Nghiệp	25/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	1.020				1.020		950		-	-	950		
50	Nâng cấp bê tông giao thông nông thôn Háo Lễ; Hạng mục: Bê tông nhựa	57/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	1.182				1.182		1.094		-	-	1.094		
51	Đường giao thông xã; Hạng mục: Biển báo giao thông	42/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	591				591		544		-	-	544		
52	Cứng hoá GTND thôn Háo Lễ; Tuyến từ Gò Ngói đến giáp vùng ruộng xóm 13 Lương Lộc	44/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	240				240		222		-	-	222		
53	Camera an ninh xã Phước Hưng	60/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	1.138				1.138		1.081		-	-	1.081		
54	Khu thể thao thôn Biều Chánh	78/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	210				210		546		-	-	546		
55	KCHKM thôn Nho Lâm; Tuyến từ Cầu Đình ra Chân Bàu	78/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	508		67	150	290		466		67	150	249		
56	Nâng cấp, sửa chữa sân vận động xã; Hạng mục: Nhà vệ sinh, đường Bit và khán đài	54/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	1.107				1.107		1.024		-	-	1.024		
57	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Tân Hội	79/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	729				729		669		-	-	669		
58	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Lương Lộc	59/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	982				982		766				766		
59	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Nho Lâm	66/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	210				210		195		-	-	195		
60	Nâng cấp, sửa chữa trung tâm văn hóa xã; Hạng mục: Cổng ngõ, dụng cụ thể dục thể thao và nhà vệ sinh	56/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	961				961		890		-	-	890		
61	Cứng hoá GTND thôn Tân Hội; Tuyến từ đường bê tông xóm 10 đến Sân kho	53/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	488				488		453		-	-	453		
62	Bê tông giao thông nông thôn thôn Tân Hội; Tuyến từ đường liên xã đến nhà Ông Trần Nguyễn Tuấn Kiệt; Tuyến từ đường liên xã đến nhà Ông Phan Văn Bình+ Trần Văn Toa; Tuyến từ đường liên xã đến Bến Đình; Tuyến từ nhà Trần Văn Bình đến Huỳnh văn Chín	81/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	449			46	403		452		-	46	406		
63	Bê tông giao thông nông thôn thôn Biều Chánh; - Tuyến từ bê tông xóm 1 đến nhà ông Nguyễn Văn Thời - Tuyến từ bê tông xóm 1 đến nhà ông Nguyễn Tiến Dũng - Tuyến từ bê tông xóm 1 đến nhà ông Lê Thanh Long	80/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	302			17	285		296		-	17	279		
64	Bê tông giao thông nội đồng thôn Lương Lộc; Tuyến: Từ Gò Đình đến giáp Tân Hội	84/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	656			43	613		627		-	43	584		

Thylen

65	Bê tông giao thông nội đồng thôn Tân Hội; Tuyến: Từ đường liên xã đến giáp vùng ruộng xóm 10	83/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	656		91	565		906	-	91	815		
66	Bê tông giao thông nội đồng thôn Hảo Lễ; Tuyến từ Cổng 15 Vân Triều đến cổng điều tiết xóm 14	85/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	735		94	641		665	-	94	572		
67	Bê tông giao thông nội đồng thôn Nho Lâm; Tuyến từ cổng điều tiết xóm 14 đến cổng điều tiết xóm 20	87/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.022		145	877		1.000	-	145	855		
68	Bê tông giao thông nội đồng thôn Hảo Lễ; Tuyến từ nhà Đặng Thành Phán đến Đám sân giáp Tân Dân	87/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.092.903		74	1.092.829		867	-	74	793		
69	Bê tông giao thông nội đồng thôn Nho Lâm; Tuyến từ Bê tông xóm 19 đến Bờ Bạ Chân Âm	88/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	207		29	178		136	-	29	107		
70	KCH kênh mương thôn An Cừ; tuyến kênh tưới xóm 8 thôn An Cừ (Khẩu TAX3 Đám Lùn đến Trạm Nhát + Châu Thanh Hậu)	11/QĐ-UBND ngày 13/3/2024	3.757	400	1.224	2.133		3.134	400	1.224	1.510		
71	KCH kênh mương thôn Tân Hội; Tuyến từ Nam Gò Đậu đến giáp mương S1	72/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.213	163	360	690		992	163	360	469		
72	KCH kênh mương thôn Tân Hội; Tuyến từ đường xóm 10 đến giáp vùng ruộng xóm 12	73/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.331	182	391	758		1.084	182	391	511		
73	KCH kênh mương thôn Hảo Lễ; Tuyến kênh Đám Sân đến Phan Văn Mãi	74/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.073	134	329	610		989	134	329	526		
74	KCHKM thôn Nho Lâm Tuyến từ Đập Cùm xóm 19 đến xã Tuyền	76/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	364	52	163	149		387	52	163	172		
75	KCH kênh mương thôn Hảo Lễ; Tuyến từ Võ Long Cừ đến Cầu xóm 16	75/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	403	59	143	201		378	59	143	176		
76	Bê tông giao thông nông thôn thôn Quảng Nghiệp; - Tuyến từ Nhà Thờ Quảng Nghiệp đến xóm nhà Nguyễn Văn Báu - Tuyến từ Nhà Châu Ngọc Ánh đến nhà Châu Ngọc Lập + nhà Nguyễn Văn Sáu - Tuyến bê tông xóm 3 đến nhà Huỳnh Văn Minh + nhà Đặng Văn Quý	79/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	452		47	405		463	-	47	416		
77	Mở rộng giao thông thôn Lương Lộc; Đoạn từ Cổng chào thôn Lương Lộc đến nhà ông Lê Văn Tám; Hạng mục: Bê tông giao thông + Hệ thống thoát nước.	52/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	1.122			1.122		803			803		
78	Mở rộng Trường mầm non An Cừ (giai đoạn 2); Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, nâng nền, hệ thống thoát nước và Tường rào	12610/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	3.370		980	2.390		2.266		100	2.166		
79	Trường tiểu học số 1 Phước Hưng; Hạng mục: San nền, Tường rào công nghệ, cảnh quan (00492)	11873/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	5.614		2.393	3.221		3.123		186	2.937		
80	Mở rộng Trường Trung học cơ sở Phước Hưng; Hạng mục: Đền bù giải phóng mặt bằng, San nền, tường rào, Nhà đa năng (00492)	11722/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	6.297		2.127	4.170		3.772	463	248	3.061		
81	Trường Tiểu học số 1 Phước Hưng; Hạng mục: Nhà đa năng(00492)	12231/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	3.859		1.601	2.258		2.756	231	240	2.285		
82	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Nho Lâm; Tuyến: Từ đường liên xã đến nhà ông Nguyễn Thành Nhân + Chùa Thiên Lộc + Cầu 20.(00492)	12231/UBND ngày 19/12/2023	2.279		967	1.312		1.839		243	1.596		

Uyen

83	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Quảng Nghiệp; Tuyến: Từ đường liên xã (cây xăng Trường Út) đến xóm 4 Quảng Nghiệp.(00492)	11740/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	6.788			2.256	4.532		4.795			62	4.733		
84	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn An Cửu; Tuyến: Từ đường liên xã đến Sân kho xóm 8.	11100/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	5.851			2.437	3.414		3.284			155	3.129		
85	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Nho Lâm; Tuyến từ Sân kho cũ xóm 19 đến nhà ông Trương Văn Quang.	2514/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	2.521			1.073	1.448		1.091			660	431		
86	Bê tông giao thông nội đồng thôn Quảng Nghiệp; Tuyến: Từ đường ĐT 636 (nhà Lê Âm) đến sân kho xóm	82/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.133			115	1.018		587			115	472		
87	Bê tông giao thông nội đồng thôn Nho Lâm; Tuyến từ Bê tông xóm 19 đến Bờ Bạ Chân Âm	87/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	207			29	178		134			29	105		
88	Thâm nhạ tuyến đường liên xã đoạn từ quán Cây Xoài đến nhà ông Huỳnh Văn Anh	12595/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.034			431	603		966			431	535		
89	Thâm nhạ tuyến đường trung tâm xã đoạn từ Quý tín dụng Phước Hưng đến nhà ông Thừa	12597/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.133			465	668		1.045			465	580		
90	Thâm nhạ giao thông nông thôn Nho Lâm đoạn từ nhà Thành Chế đến khu thăm sát Nho Lâm	12594/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	947			394	553		890			394	496		
91	Thâm nhạ giao thông khu dân cư thôn Quảng Nghiệp	12596/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	470			194	276		443			194	249		
92	KCH kênh mương thôn Nho Lâm; Tuyến từ Bờ Bạ Chân Âm đến Thâm Sát Nho Lâm	77/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	798		110	236	452		643		110	236	297		
93	Xây dựng nhà văn hóa thôn Biểu Chánh; HM: GPMB, sân nền và tường rào cổng ngõ + nhà văn hóa	2949/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	5.580			499	1.581	3.500	4.505			499	506	3.500	
94	Kiến thiết thị chính: Công viên văn hoá khu đông xã Phước Hưng.	12236/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	6.721			2.858	3.863		5.015			2.858	2.157		
95	Hệ thống điện chiếu sáng giao thông thôn Nho Lâm đoạn từ Cầu 19 đến khu thăm sát Nho Lâm	12592/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	1.094			466	628		1.030			466	564		
96	Hệ thống điện chiếu sáng giao thông thôn Biểu Chánh đoạn từ cổng chào Biểu Chánh đến nhà bà Nguyễn Thị	12593/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	645			274	371		604			274	330		
97	Hệ thống đèn Led trang trí đoạn từ cổng chào thôn Quảng Nghiệp đến UBND xã	3819/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	1.167			497	670		888			497	391		
98	KCH kênh mương thôn Lương Lộc; Tuyến kênh bờ Ký đến đuôi Bàu Lương Lộc.	328/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	703		126	233	344		1.039		126	233	680		
99	Nâng cấp mở rộng giao thông thôn Quảng Nghiệp; Tuyến từ đường liên xã đến nhà ông Hình	49/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	262				262		262				262		
100	Bê tông GTND thôn Lương Lộc; Tuyến từ cổng nhà 3 Nam đến vùng ruộng xóm 14	331/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	445			52	393		101			52	49		
101	Thâm nhạ tuyến đường thôn An Cửu đoạn từ nhà ông Thừa đến nhà Đỗ Thăng Toàn + trường Mầm non An	49/QĐ-UBND ngày 15/9/2024	1.052				1.052		100				100		
102	Sửa chữa Cổng chào huyện; Hạng mục: Thay mảng hình led	55/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	839				839		50				50		
103	Camera an ninh thôn Biểu Chánh	47/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	228				228		50				50		
104	Kè chắn đất, hệ thống thoát nước, vỉa hè và trồng cây xanh; Tuyến từ cổng Chào Biểu Chánh đến nhà bà Nguyễn Thị Bờ	56/QĐ-UBND ngày 28/12/2024	1.059			400	659		400			400	-		
105	Hệ thống điện chiếu sáng giao thông thôn Nho Lâm; Tuyến từ sân kho cũ xóm 19 đến Lê Kim Nghĩa	56/QĐ-UBND ngày 28/12/2024	898			374	524		374			374	-		
106	Hệ thống điện chiếu sáng giao thông thôn Nho Lâm; Tuyến từ đường liên xã đến đường liên xã đến nhà ông Nguyễn Thành Nhân + Chùa Thiên Lộc	60/QĐ-UBND ngày 28/12/2024	789			274	515		274			274	-		
107	Hệ thống điện chiếu sáng giao thông thôn Háo Lễ; Đoạn từ Cầu Háo Lễ đến xóm 16 Háo Lễ	58/QĐ-UBND ngày 28/12/2024	790			337	453		337			337			

Thylen

108	Hệ thống điện chiếu sáng giao thông thôn An Cừ; Tuyến từ đường liên xã đến ngã 3 nhà Trần Thân xóm 8	57/QĐ-UBND ngày 28/12/2024	898			383	515		300			300		
109	Hệ thống điện chiếu sáng giao thông thôn Quảng Nghiệp; Tuyến từ đường liên xã đến Lê Bá Cương xóm 4 Quảng Nghiệp	58/QĐ-UBND ngày 28/12/2024	911			389	522		388			388		
110	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Nho Lâm, xã Phước Hưng	2451/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 (PD Nhiệm vụ QH)	134				134		134				134	
111	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư năm 2023 xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	2452/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 (PD Nhiệm vụ QH)	177				177		177				177	
112	quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Làng nghề trồng hoa thôn Biểu Chánh, xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	3659/QĐ-UBND Ngày 06/6/2025 (PD Nhiệm vụ QH)	969				969		969				969	
113	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu hợp tác xã nông nghiệp xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	2318/UBND-QH ngày 02/12/2024 (CV cho CTĐT)	250				250		250				250	
114	Nâng cấp bia mộ, đài tưởng niệm, nhà bia và sơn sửa tường rào, cổng ngõ, nâng nền nghĩa trang liệt sĩ xã Phước Hưng	13044/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	3.924			1.693	2.231		3.924			1.693	2.231	
II	XÃ PHƯỚC QUANG		146.370	2.804	4.713	32.036	106.817	-	122.957	2.804	4.713	33.509	81.931	-
1	Xây dựng tượng đài và cải tạo, nâng cấp vô mộ liệt sỹ	2484/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND huyện	3.656	893			2.763		2.553	893			1.660	
2	Xây dựng, lắp đặt lều tạm để di dời thi công chợ Định Thiện Tây	1223/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	654				654		454				454	
3	Xây dựng taluy đường giao thông. Tuyến ĐT 636 - Công ông Chày	1221/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	767				767		640				640	
4	Lắp đặt hệ thống đèn LED trang trí đường ĐT 636 và đường ra chùa Bà	1426/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	823				823		620				620	
5	Sửa chữa nhà bia Nghĩa trang liệt sĩ xã	1012/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	425				425		211				211	
6	Xây dựng tường rào cổng ngõ Nghĩa trang liệt sĩ xã	1228/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	831				831		423				423	
7	Sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng đường ĐT 636 và đường ra chùa Bà	1680/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	1.136				1.136		555				555	
8	Cứng hoá đường GTNT nội đồng. Tuyến: Thất Cao Đài đến Mương Tháo (thôn Định Thiện Tây)	1224/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	725				725		587				587	
9	Cứng hoá đường GTNT nội đồng. Tuyến: Ruộng Chinh đến Bờ Phở (thôn Định Thiện Đông)	1225/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	449				449		357				357	
10	Cứng hoá đường GTNT nội đồng. Tuyến: Nhà Nguyễn Phi Long đến Đường bê tông liên xã (thôn Văn Quang)	1226/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	162				162		125				125	
11	Lắp đặt nâng cấp máy phát và hệ thống loa đài truyền thanh xã	26/QĐ-UBND ngày 05/01/2022	547				547		261				261	
12	Cứng hóa đường GTNT nội đồng. Tuyến: ĐT 636 đến Gò cây Sanh (thôn Luật Bình)	1227/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	480				480		449				449	
13	Nâng cấp sửa chữa, mở rộng đường giao thông. Tuyến ĐT 636 - Miếu Da Chè	162/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	943				943		785				785	
14	Xây dựng mặt bằng, mái che bể bơi, mái che sân tập TDTT và nhà xe trường tiểu học số 1 Phước Quang	323/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	382				382		358				358	

thực hiện

15	Lắp đặt màn hình Led Hội trường, phòng họp, máy lọc nước uống UBND xã và các dụng cụ thể dục thể thao, dụng cụ vui chơi trẻ em các điểm công cộng, biển báo các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã	644/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	1.086				1.086		1.037				1.037		
16	Xây dựng hệ thống thoát nước, nâng cấp cải tạo mặt sân, lắp đặt đèn led trường mầm non Phước Quang và sửa chữa tường rào, bê tông sân, đường đi điểm trường mầm non Tri Thiện	745/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	344				344		314				314		
17	Xây dựng tường rào, cổng ngõ, sân bê tông và sửa chữa nhà văn hóa thôn Quảng Điền	642/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	648				648		617				617		
18	Sửa chữa tường rào, cổng ngõ, sân bê tông nhà văn hóa thôn Định Thiện Đông	744/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	467				467		437				437		
19	Xây dựng Tường rào, cổng ngõ, sân bê tông nhà văn hóa thôn Định Thiện Tây	746/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	545				545		508				508		
20	Xây dựng tường rào, cổng ngõ và nâng mặt bằng khu thể thao thôn Văn Quang	145/QĐ-UBND ngày 28/3/2023	1.193		430		763		1.075		430		645		
21	Nâng cấp, cải tạo mặt sân vận động xã	345/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	1.162				1.162		1.075				1.075		
22	Đường bê tông giao thông nông thôn Tuyền Xã Thuồng - Cây đu	366/QĐ-UBND ngày 7/6/2023	899			54	844		654			54	600		
23	Đường bê tông giao thông nông thôn Tuyền Nhà Phan Văn Long - Ruộng Lê Bá Cầu và Đường bê tông - Bàu	363/QĐ-UBND ngày 7/6/2023	1.059			60	999		788			60	728		
24	Đường bê tông giao thông nông thôn Tuyền Nhà Man Đức Hùng - Mương Tháo	364/QĐ-UBND ngày 7/6/2023	728			48	680		494			48	446		
25	Đường bê tông giao thông nông thôn Tuyền Thất Cao Đài - Mương Tháo	365/QĐ-UBND ngày 7/6/2023	804			44	760		589			44	545		
26	Đường bê tông giao thông nông thôn Tuyền Đám Vương - Cầu Đất Sét	367/QĐ-UBND ngày 7/6/2023	848			46	802		608			46	562		
27	Đường bê tông giao thông nông thôn Tuyền ĐT 636 - Gò Cây Sanh	368/QĐ-UBND ngày 7/6/2023	413			30	384		272			30	243		
28	Xây dựng Cổng thôn văn hoá thôn Định Thiện Tây	1364/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	273				273		244				244		
29	Xây dựng các phòng chức năng nhà văn hoá xã và sửa chữa, thay mới mái tole nhà làm việc UBND xã	1365/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.035				1.035		954				954		
30	Xây dựng Tường rào, cổng ngõ, sân bê tông nhà văn hoá thôn An Hoà	47/QĐ-UBND ngày 01/02/2023	1.174				1.174		1.084				1.084		
31	Xây dựng công viên an hoà	1636/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.169				1.169		1.114				1.114		
32	Lắp đặt và sửa chữa hệ thống camera an ninh trên địa bàn xã	144/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND xã	1.159				1.159		1.125				1.125		
33	Xây dựng cổng chào và trang trí trực quan đường vào khu di tích lịch sử chùa Bà	645/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND xã	489			400	89		473			400	73		
34	Xây dựng mạng nước sạch các thôn trên địa bàn xã Phước Quang (Giai đoạn 2)	1330/QĐ-UBND ngày 16/3/2024	1.228			485	743		1.144			485	660		
35	Nâng mặt bằng, bê tông sân và xây dựng tường rào, cổng ngõ nhà văn hoá thôn Văn Quang	864/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	1.168				1.168		1.059				1.059		
36	Sửa chữa nhà văn hóa, tường rào, cổng ngõ, bê tông sân và lắp đặt cổng buy, đào mương để điều tiết nước thôn Phúc Thiện	670/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	515				515		483				483		
37	Xây dựng bể xử lý rác thải hữu cơ, ngôi nhà xanh, băng tin rao vặt và bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	863/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	485				485		462				462		

Thylen

38	Xây dựng tường rào, cổng ngõ, sân bê tông nhà văn hóa, khu thể thao thôn Lương Quang	01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024	1.179				1.179		1.125				1.125		
39	Xây dựng đường hoa và trồng cây xanh trên địa bàn xã	464/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	1.102				1.102		1.053				1.053		
40	Xây dựng điểm trường mầm non Lương Quang	282/QĐ-UBND ngày 22/7/2024	1.188				1.188		1.134				1.134		
41	Bảo trì sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi trên địa bàn xã	463/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	362				362		343				343		
42	Xây dựng bê tông sân điểm trường Đồng Tâm và mái che sân tập TDTT, sân khấu trường TH số 2 Phước	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	958				958		910				910		
43	Sửa chữa tường rào, cổng ngõ, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Luật Bình	65/QĐ-UBND ngày 02/02/2024	366				366		350				350		
44	Sửa chữa, thay mới mái tole nhà làm việc Đảng ủy xã	144/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	240				240		223				223		
45	Xây dựng Khu thể thao thôn Luật Bình	460/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	418				418		397				397		
46	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: Nhà văn hóa Phục Thiện - Đường BTXM	452/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	197			20	177		145			20	124		
47	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: Đường BTXM - Nhà Lê Thanh Hải và tuyến đường phía sau chùa Bà	453/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	81			11	70		57			11	47		
48	KCHKM Tuyến từ cổng Bà Thu đến giáp Phước Hưng và từ trước UBND xã đến cổng chào văn hóa thôn Định Thiện Đông	311/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	1.230				1.230		968				968		
49	Xây dựng mạng nước sạch các thôn trên địa bàn xã	161/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	1.128				1.128		1.095				1.095		
50	Xây dựng công viên thôn, sửa chữa tường rào, cổng ngõ, nhà văn hóa thôn Tri Thiện	966/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	373				373		362				362		
51	Nâng mặt bằng và bê tông sân Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tân Điền; Bảo trì, sửa chữa các công trình bị hư hỏng trên địa bàn xã và Hỗ trợ đào, lắp hệ thống nước sạch cho các hộ dân	967/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	414				414		402				402		
52	Xây dựng, trang trí vỉa hè công viên xã và sửa chữa nền nhà làm việc quân sự xã	968/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	172				172		168				168		
53	Củng cố đường GTNT nội đồng. Tuyến: Cầu máy Gạo đến Gò Cây Lan, xây dựng đường Giao thông khu dân cư phía Nam nhà ông Biện Văn Định và Xây dựng cầu qua kênh, san dọn mặt bằng, cắm mốc phân lô các vị trí đất khu dân cư để đầu giá	969/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.136				1.136		1.124				1.124		
54	Di dời hệ thống điện để xây dựng đường giao thông tuyến Phục Thiện - Tri Thiện và Bảo trì hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn xã	435/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	776				776		739				739		
55	Chỉnh trang tuyến đường xuống NVH thôn An Hoà và Xây dựng đường hoa, trồng cây xanh trên địa bàn xã	970/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	677				677		657				657		
56	Lắp đặt bản tin điện tử điểm cộng thôn thông minh An Hoà	971/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	941			403	538		895			403	492		
57	Xây dựng Khu thể thao thôn Định Thiện Đông	459/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	987				987		967				967		
58	KCHKM tuyến kênh S8 từ ĐH 42- Tân Mỹ, Phước Hoà	9975/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	2.159			1.452	707		1.515			1.452	63		
59	Xây dựng tường rào, cổng ngõ, bê tông sân và sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao thôn Tân Điền	143/QĐ-UBND ngày 28/3/2023	849				849		800				800		

Thy

60	Hạ tầng khu dân cư trung tâm văn hóa thể thao xã thuộc Quy hoạch trung tâm xã Phước Quang	2825/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 9142/QĐ-UBND 31/12/2020	17.733			17.733		16.715			16.715		
61	Sửa chữa, mở rộng đường GTNT tuyến ĐT 636 - Công ông Chầy	7739/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	5.281			1.888	3.393	3.962		1.888	2.074		
62	Lắp đặt xây dựng điện chiếu sáng tuyến ĐT 636 - Tân Điền, xã Phước Quang	9175/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 UBND huyện	589		320		269	347		320	27		
63	Lắp đặt xây dựng điện chiếu sáng tuyến Lộc Ngãi - Tri Thiện, xã Phước Quang	9176/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 UBND huyện	1.368		578		789	1.070		578	491		
64	Xây dựng bê tông sân trường và hệ thống thoát nước Trường TH số 1 Phước Quang	6386/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 UBND huyện	1.164			489	675	1.070		489	580		
65	Thăm nhựa tuyến đường ĐT 636 - Công ông Chầy, xã Phước Quang	7594/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	2.320			982	1.338	2.184		982	1.202		
66	Thăm nhựa các tuyến đường giao thông khu dân cư khu vực sân văn hoá xã thuộc quy hoạch trung tâm xã Phước Quang	7593/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	3.353			1.431	1.922	3.159		1.431	1.728		
67	Xây dựng Cổng chào vào Khu di tích lịch sử chùa Bà	8902/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	955			790	165	868		790	78		
68	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến ĐT 636 Nhà 2 Đình - An Cửu (Phước Hưng), xã Phước Quang	9624/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	1.108			350	758	818		350	468		
69	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến Chùa Quảng Điền - Gò Tháp, xã Phước Quang	9616/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	1.222			445	777	978		445	533		
70	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến Nhà Ông Tiến - Đám Pháp	12136/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	556			172	383	386		172	214		
71	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến ĐT 636 (Lớp mẫu giáo Luật Bình) - Phước Hưng	12134/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	661			359	303	793		359	434		
72	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến Ruộng Chính - Bờ Phô	12135/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	730			248	482	549		248	301		
73	Sửa chữa đường giao thông nông thôn. Tuyến ĐT 636 Phước gần với việc xây dựng Cổng di tích lịch sử Chùa Bà phục vụ Lễ đón nhận công bố Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Lễ hội Chùa Bà – Cảng thị	12304/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	1.157			484	673	1.063		484	579		
74	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến Cổng hạ thể Đ2 - Ruộng Đàng Thị Trinh	12187/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	1.038			369	670	810		369	441		
75	Đường bê tông giao thông nông thôn Tuyến ĐT636 - thôn Hữu Thành; Nhà Nguyễn Đức Long - Gò Ông Đồng và Trại vịt Ông Hương - sông Gò Chàm	12233/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	761			262	499	581		262	319		
76	Đường bê tông giao thông nông thôn Tuyến Ngã 3 BTXM - Cổng đôi và Góc dòng - Bờ đê	12191/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	1.090			354	736	789		354	435		
77	Đường bê tông giao thông nông thôn Tuyến Nhà Nguyễn Trọng Tuấn - Kho đội 11	12232/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	644			203	441	452		203	249		
78	Xây dựng nhà Văn hoá thôn Định Thiện Tây	7678/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	2.270			686	1.584	1.755		686	1.069		
79	Xây dựng nhà Văn hoá thôn Lương Quang	7705/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	3.632			1.136	2.496	2.971		1.136	1.835		
80	Xây dựng hệ thống thoát nước mặt đường vào khu di tích lịch sử Chùa bà, xã Phước Quang	8145/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	1.447			1.220	227	1.323		1.220	103		
81	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến đường ĐT 636 - Công ông Chầy, xã Phước Quang	7647/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	918	185		301	432	653	185	301	168		

Thylen

82	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến Trung tâm xã - Lộc Ngãi	8284/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	1.317	300		472	545		1.022	300		472	250		
83	Xây dựng nhà Văn hoá thôn Văn Quang	7705/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	3.632	500	445	1.123	1.564		2.848	500	445	1.123	780		
84	Xây dựng, nâng cấp chợ Định Thiện Tây	8764/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	7.733	926	525	3.200	3.082		7.432	926	525	3.200	2.781		
85	Lắp đặt bản tin điện tử các điểm công cộng trên địa bàn xã Phước Quang	4771/QĐ-UBND ngày 11/7/2024	973			415	558		944			415	529		
86	Lắp đặt hệ thống camera an ninh tại 11 nhà văn hoá thôn trên địa bàn xã Phước Quang	10087/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND huyện	1.112			482	630		1.060			482	578		
87	BTXM mặt đê và mái taluy đê sông Kôn thuộc hạ lưu đập Thanh Hoà, xã Phước Quang, đoạn từ nhà ông Thanh đến Dốc Bến Trâu	4808/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	2.264			1.700	564		1.979			1.700	279		
88	BTXM mặt đê và mái taluy đê sông Kôn thuộc hạ lưu đập Thanh Hoà, xã Phước Quang, đoạn từ soi măng sâu đến Rộc Hiệu	5381/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	633			474	159		544			474	70		
89	Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Quang, huyện Tuy Phước đến năm 2035	11053/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 UBND huyện	412				412		213				213		
90	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT636 - Tân Điền	7592/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	3.868			1.156	2.712		2.591			1.156	1.435		
91	KCHKM Tuyến từ xã Thuồng đến giáp vườn bà Yến	461/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	872				872		755				755		
92	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Phước Quang, huyện Tuy Phước		-						812				812		
93	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Phước Quang		-						223				223		
94	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Các công trình công cộng trên địa bàn xã Phước Quang		-						212				212		
95	Xây dựng Nhà máy sấy lúa Hợp tác xã Nông Nghiệp Phước Quang	12112/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	3.583			1.530	2.053		3.285			1.530	1.755		
96	Nâng cấp sửa chữa, mở rộng đường giao thông tuyến Phức Thiện - Tri Thiện (đoạn tiếp theo)	7592/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	6.172		500	2.100	3.572		4.589		500	3.572	517		
97	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ trung tâm xã đến Tri Thiện (giáp Tây Đầm)	6885/QĐ-UBND ngày 09/8/2023	8.528		1.915	1.767	4.846		5.836		1.915	1.767	2.154		
98	Xây dựng, nâng cấp chợ Định Thiện Tây (giai đoạn 2)		-						500				500		
99	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 636 - Tổ 3, đội 10 thôn Định Thiện Đông	975/QĐ-UBND ngày 27/2/2024 của UBND huyện	3.431			1.032	2.399		1.532			1.032	500		
100	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 636 - Tân Mỹ, Phước Hòa	4770/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND huyện	4.040			1.365	2.675		1.865			1.365	500		
101	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Phước Quang, huyện Tuy Phước		-						500				500		
102	Gia cố mặt đê sông Kôn (đoạn từ bờ tràn thôn Định Thiện Đông đến giáp ĐH 42) thuộc hạ lưu đập Thanh Hòa xã Phước Quang		-						500				500		
IV	XÃ PHƯỚC HIỆP		164.397	3.093	10.290	49.844	101.170	0	75.794	3.298	5.028	42.381	25.087	0	
1	BTXM tuyến từ đăm ngô Bồn đến nhà Sanh + tuyến nhà Bích đến nhà Tám	169/QĐ-UBND ngày 05/11/2019	358				358		325				325		
2	KCHKM Kênh tưới tiêu An Trung (Đại Lễ)	542/QĐ-UBND ngày 04/08/2022	616		100	358	158		492		100	358	34		

Thygen

3	KCHKM kênh từ lè tổ 9 đến Hàm Bụng	545/QĐ-UBND ngày 04/08/2022	902		134	448	320		632		134	448	50		
4	KCHKM kênh từ N6 đến bầu Ngự	543/QĐ-UBND ngày 04/08/2022	648		108	387	153		531		108	387	36		
5	KCHKM kênh từ đám Quảng đến Sông Tranh	544/QĐ-UBND ngày 04/08/2022	508		100	295	113		430		100	295	35		
6	KCHKM kênh từ N1-2 đến Gò Cụt	481/QĐ-UBND ngày 02/05/2022	761		120	453	188		574		120	453	1		
7	KCHKM kênh từ N1-4 đến Đình	546/QĐ-UBND ngày 04/08/2022	623		123	366	134		524		123	366	35		
8	KCHKM từ cầu đất đến đám Vườn	548/QĐ-UBND ngày 04/08/2022	564		120	327	117		447		120	327	0		
9	Di dời hệ thống điện 0,4kv để phục vụ thi công tuyến đường từ ngã 3 Giám đến Mỹ Cang.	539/QĐ-UBND ngày 04/8/2022	517				517		417				417		
10	Bê tông sân sau, lát đá hai bên cánh gà trụ sở UBND xã, sửa mái nhà, các bộ bàn ghế làm việc	561/QĐ-UBND ngày 15/08/2022	1.099				1.099		941				941		
11	Xây dựng hạ tầng các điểm quy hoạch KDC năm 2020 tại xã Phước Hiệp. Vị trí 04: Dưới chùa Trường Giác, thôn Giang Bắc	9671/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	4.680				4.680		4.224				4.224		
12	Xây dựng hạ tầng các điểm quy hoạch KDC năm 2020 tại xã Phước Hiệp. Vị trí 08: Trong HTX Phước Hiệp	8383/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	5.680				5.680		716				716		
13	Xây dựng hạ tầng các điểm quy hoạch KDC năm 2020 tại xã Phước Hiệp. Vị trí 09: Trước nhà Ông Sỹ thôn	8379/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	3.723				3.723		3.118				3.118		
14	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Trạm Điện đến vườn Diêu.	6201/QĐ-UBND ngày 13/09/2022	1.421			442	979		1.010			442	568		
15	Xây dựng cầu Chờ Đợi Đại Lễ	7514/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	692			268	424		268			268	0		
16	Xây dựng mới chợ Lục Lễ, xã Phước Hiệp	9058/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	6.528	785		2.819	2.924		3.704	785		2.819	100		
17	Bê tông nhựa tuyến đường ĐH42 đến ĐT 640	4407/QĐ-UBND ngày 06/07/2021	7.178	937		2.934	3.307		4.538	937		2.934	667		
18	HTXNN Phước Hiệp; Hạng mục: Nhà máy sấy lúa	72/QĐ-UBND ngày 06/01/2022	1.018			452	566		452			452	0		
19	Xây dựng hoa viên phía Nam và hành lang cây xanh phía Tây nhà thờ Lục Lễ	7713/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	2.010			958	1.052		1.312			598	714		
20	Xây dựng tường rào và nâng cấp sân trường Tiểu học số 1 Phước Hiệp (Cụm Tú Thủy)	7875/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.088			457	631		463			457	6		
21	Duy tu, bảo dưỡng các tuyến điện đường và bảo dưỡng các tuyến đường giao thông (Sáng - Xanh - sạch - đẹp)	181/QĐ-UBND ngày 03/07/2023	1.022				1.022		877				877		
22	Lắp đặt thiết bị các điểm khu vui chơi, thể thao cộng đồng	178/QĐ-UBND ngày 24/05/2023	1.069				1.069		872				872		
23	Đường bê tông giao thông nông thôn nội đồng tuyến từ nhà Trần đến cầu Sông Tranh, xã Phước Hiệp	11116/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	1.404			730	674		1.233			730	503		
24	Phát dọn cây cối, nạo vét lòng sông những nơi bị tắt nghẽn để thông thoáng dòng chảy trên tuyến sông Cạn (đoạn từ đập Lễ Nghĩa đến cầu Sông Cạn)	7842/QĐ-UBND ngày 07/09/2023	1.334			990	344		972			972	0		
25	KCHKM tuyến kênh N6 bờ Táng đến bầu Ngự	272/QĐ-UBND ngày 01/10/2023	899		232	391	276		623		232	391	0		
26	KCHKM tuyến kênh từ nhà Chiến đến giáp tổ 4	275/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	757		168	360	229		528		168	360	0		
27	KCHKM tuyến kênh từ nhà Cẩn đến kênh N4 Đội 3	273/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	767		205	333	229		538		205	333	0		
28	KCHKM tuyến Kênh từ cầu Kỹ đến đám Võ Thị Phú thôn Tú Thủy	279/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	663		168	231	264		399		168	231	0		

Thylen

29	KCHKM tuyến kênh tưới tiêu cải tạo	271/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	657	158	198	301	356	158	198	0		
30	KCHKM tuyến Kênh Đâm từ cầu Đá đến vùng Bưng , Thôn Giang Nam.	270/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	703	187	226	290	413	187	226	0		
31	KCHKM từ kênh nhà Thỉnh đến tây cửa chùa Thôn Luật Chánh.	296/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	501	140	112	249	252	140	112	0		
32	KCHKM tuyến từ kênh cầu nhà Thơ đến hầm ông Đông	323/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	487	131	110	246	241	131	110	0		
33	KCHKM tuyến từ kênh ngò Khâm đến nhà Tạng	328/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	564	149	106	309	255	149	106	0		
34	KCHKM tuyến kênh từ N1 đến nhà Thơm	323/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	496	138	100	258	238	138	100	0		
35	KCHKM tuyến kênh từ N1 đến nhà ông Khánh	320/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	323	97	86	140	183	97	86	0		
36	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng tại các tuyến đường chính xã Phước Hiệp, tuyến từ ngã 3 công chào thôn Tú Thủy đến cầu Đụn.	8980/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	529		224	305	224		224	0		
37	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng tại các tuyến đường chính xã Phước Hiệp, tuyến từ tràn ông Đông đến đập Mỹ Cang	8981/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	1.133		483	650	483		483	0		
38	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Cầu Sông Cạn đến nhà Trương Sang đội 11, thôn Giang Bắc, xã Phước	598/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	1.364		480	884	1.097		480	617		
39	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ ngã 3 nhà Nghĩa đến cầu Hà Tài.	7826/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	1.202		400	802	781		400	381		
40	Xây dựng cầu Hà Tài thôn Đại Lễ	8726/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	878		318	560	658		318	340		
41	Gia cố đê sông Cạn đoạn từ đường bê tông đến nhà Tám Thắng thôn Lục Lễ	178/QĐ-UBND ngày 24/05/2023	1.260		933	327	933		933	0		
42	Tu sửa, trang trí nhà văn hóa UBND xã	290/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	1.635			1.635	1.355			1.355		
43	Bê tông xi măng các tuyến giao thông. Hạng mục: Tuyến từ đường nhựa đến nhà Hạng; tuyến từ nhà nhẵn đến nhà Liệu, tuyến từ nhà Hoàng đến nhà Phòng.	301/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	716	69	26	621	95	69	26	0		
44	Sửa chữa gia cố đê sông Cừ Bình, thôn Đại Lễ xã Phước Hiệp	293/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	1.799		1.490	309	1.649		1.490	159		
45	Hệ thống đèn led trang trí từ chợ Tỉnh Giang đến tháp Bánh Ít	240/QĐ-UBND ngày 17/01/2024	1.163		498	665	706		450	256		
46	Phát dọn cây cối, nạo vét lòng sông những nơi bị tắt nghe để thông thoáng dòng chảy trên tuyến sông Cạn (đoạn từ cầu sông Cạn đến cầu Đội 13)	4432/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	1.328		974	354	1.110		974	136		
47	Xây dựng công hộp qua kênh TNX6 thôn Xuân Mỹ, xã Phước Hiệp	4087/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	1.181		975	206	1.006		975	31		
48	Đường bê tông giao thông nông thôn nội đồng tuyến từ cổng Ông Sư đến Gò Ôi, xã Phước Hiệp	11115/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	1.328		460	868	1.129		460	669		
49	Đường bê tông giao thông nông thôn nội đồng tuyến từ đám Nguyễn Quyền đến Gò Mối và từ Đám Đào đến Lỗ Ích	11702/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.318		490	828	1.119		490	629		
50	Gia cố đê sông đoạn bờ bắc hạ lưu cầu sông tranh, thôn Giang Nam xã Phước Hiệp	9374/QĐ-UBND ngày 04/09/2024	1.240		982	258	1.091		980	111		
51	Tuyến từ cây me đến nhà Chanh	71/QĐ-UBND ngày 06/03/2024	341	33	42	266	48			48		
52	Tuyến từ đường nhựa (Nhà văn hóa thôn Tú Thủy) đến nhà Hoàng	12/QĐ-UBND ngày 09/01/2024	485	91	35	359	126	91	35	0		

Uyen

53	KCHKM kênh từ ĐH 42 đến hạng Nhi	412/QĐ-UBND ngày 12/08/2024	1.302		375	187	740		350		163	187	0		
54	KCKM thôn Lục Lễ. Hạng mục kênh từ sau đình Lục Lễ đến giáp nương tổ 8 và hạng mục kênh từ BTXM đến Hầm Bụng	411/QĐ-UBND ngày 12/08/2024	837		292	205	340		332	205	127		0		
55	KCHHKM kênh từ ĐH 42 đến ruộng ông Đoàn trực	421/QĐ-UBND ngày 12/08/2024	713		191	101	421		184		83	101	0		
56	KCHHKM thôn Đại Lễ. Hạng mục: Kênh N8 đến sông kon và Hạng mục: Kênh từ N4 đến đường Nhựt	409/QĐ-UBND ngày 12/08/2024	1.157		242	190	725		295		105	190	0		
57	KCHHKM thôn Xuân Mỹ. Hạng mục: kênh từ Tàu voi, nghêu, công dụng và Hạng mục: Kênh từ đăm Hanh đến đường bê tông	419/QĐ-UBND ngày 12/08/2024	1.371		361	220	790		377		157	220	0		
58	KCHHKM thôn Luật Chánh. Hạng mục: Tuyến kênh từ tràn dưới chợ Đại Chánh đến đường bê tông và Hạng mục tuyến từ bầu nự đến Hương 16	416/QĐ-UBND ngày 12/08/2024	755		181	116	458		195		79	116	0		
59	KCHHKM thôn Tú Thủy. Hạng mục: Tuyến kênh từ Võ Thị Phú đến ranh giới Phước Sơn và Hạng mục tuyến kênh từ bi Đình đến Lưu Hoang	417/QĐ-UBND ngày 12/08/2024	985		232	152	601		253		101	152	0		
60	KCHHKM thôn Tuấn Lễ. Hạng mục: Tuyến kênh từ đường bê tông đến hầm ông Đông và Hạng mục tuyến kênh N1 đến nhà Triêng	418/QĐ-UBND ngày 12/08/2024	756		173	107	476		183		76	107	0		
61	KCHHKM thôn Lục Lễ. Hạng mục: Kênh từ Lù Chính 2 đến Nghêu Cút và Hạng mục: Kênh từ N1-2 chạy ra Đăm Đình	414/QĐ-UBND ngày 12/08/2024	1.262		306	200	756		333		133	200	0		
62	Tuyến đường từ nhà Văn Công Cận đến nhà Lương Văn Quảng (GB)	284/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	704		52	24	628		76		52	24	0		
63	Trang trí đèn Led tuyến từ đèo xuân Mỹ đến thánh thất Giang Nam	225/QĐ-UBND ngày 20/06/2024	1.164				1.164		0				0		
64	Trang trí đèn Led tuyến ngã 3 Giám đến Mỹ Cang Cầu Đun (Hết ranh giới Phước Hiệp)	226/QĐ-UBND ngày 20/06/2024	1.170				1.170		0				0		
65	Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường liên xã, xử lý bù vênh các điểm sùn lún	163/QĐ-UBND ngày 07/05/2024	1.150				1.150		0				0		
66	Phụ lễ, gỡ giảm tốc, biển báo các tuyến đường giao thông liên xã, tường chắn một số vị trí sạt lở	162/QĐ-UBND ngày 07/05/2024	1.039				1.039		0				0		
67	Trồng cây xanh dọc các tuyến đường của xã	233/QĐ-UBND ngày 08/07/2023	1.164				1.164		0				0		
68	Trồng cây xanh dọc tuyến đường tràn Tuấn Lễ đến Cầu Đun	225/QĐ-UBND ngày 20/06/2024	1.187				1.187		0				0		
69	Xây dựng nhà kho và tường rào phía đông nhà văn hóa xã	225/QĐ-UBND ngày 20/06/2024	636				636		0				0		
70	Hệ thống âm thanh, điều hòa và màn hình Led hội trường UBND xã	218/QĐ-UBND ngày 17/06/2024	1.542				1.542		0				0		
71	Chỉnh trang chợ Lục Lễ	224/QĐ-UBND ngày 20/06/2024	879				879		0				0		
72	Đường bê tông giao thông nông thôn nội đồng từ cầu đội 13 đến đường An Nhơn - Tây Đăm	220/QĐ-UBND ngày 17/06/2024	633				633		0				0		
73	Xây dựng 03 nhà vệ thôn (Lục Lễ, Đại Lễ, Tú Thủy)	219/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	1.059				1.059		0				0		
74	Di dời hệ thống điện tuyến đường từ gò đội 3 đến ĐH 42 mới	220/QĐ-UBND ngày 17/06/2024	1.007				1.007		0				0		
75	Di dời hệ thống điện 22KW điểm dân cư số 4 trước chùa Trường Giác và trước trường Tiểu học số 1 (điểm trường Lục Lễ giáp ĐH 42)	218/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	778				778		0				0		

Chuyen

76	Công trình: xây dựng tuyến đường từ gò đội 3 thôn Luật Chánh đến giáp đường ĐH 42 (mới)	2724/QĐ-UBND ngày 28/06/2022	8.449	1.183		2.360	4.906		4.683	1.183		2.000	1.500		
77	Quy hoạch chung xây dựng xã Phước hiệp, huyện Tuy Phước đến năm 2035	11052/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	436	188			248		228	188		40	0		
78	Nhà tập luyện đa năng trường THCS Phước Hiệp	11701/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	4.359		1.000	1.100	2.259		2.100				2.100		
79	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nội đồng từ HTX NNI đến cầu chò Đới thôn Đại Lễ	4175/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	1.268		300	497	471		600		300	300	0		
80	Xây dựng tường rào Trường TH số 2 Phước Hiệp (cụm chính)	4174/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	1.080		300	450	330		750			450	300		
81	Nhà xử lý rác thải hữu cơ, nhà tập kết chất thải nguy hại, bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng. Hạng mục: Nhà tập kết chất thải nguy hại, bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	11535/QĐ-UBND ngày 13/11/2024	867		400		467		400			400	0		
82	Bê tông xi măng tuyến giao thông: Từ cầu Thiên Địa đến nhà Xuân. (LC)	293/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	340		90	38	212		128		90	38			
83	Phát dọn cây cối, nạo vét lòng sông những nơi bị tắc nghẽn để thông thoáng dòng chảy trên tuyến từ cống hộp qua kênh TNX6 đến giáp ranh Phước Sơn	675/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	866			663	203		727			662	65		
84	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng nhà văn hóa thôn Đại Lễ	632/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.194		200	500	494		533			500	33		
85	Tuyến từ Cống Đồi đến Gò Cỏ (ĐL)	687/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1.000		155	254	591		355		155	200			
86	Tuyến từ cống ông Ẽn đến Gò Giữa	690/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	1.256		161	462	633		623		161	462			
87	Tuyến từ cầu chò Đới đến đám ông Phận	692/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	1.303		147	480	676		695		147	480	68		
88	Tuyến giao thông từ ngã ba Gò Đình đến kênh N14.TT	688/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	1.417		111	491	815		561		111	450			
89	Tuyến từ cầu Ông Thảo đến giáp đường ĐH 42	691/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	1.211		117	404	690		521		117	404			
90	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu đội 10 đến đám ông Lưu (Đường nội đồng Giang Bắc)	689/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	1.404			491	913		480			480			
91	Xây dựng cầu đội 13 thôn Xuân Mỹ	3477/QĐ-UBND ngày 23/05/2023	1.801			1.498	303		1.425				1.425		
92	Xây dựng Cống ông phó thôn Luật Chánh	676/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	1.239			990	249		950			950			
93	Cầu kênh Chính thôn Luật Chánh, xã Phước Hiệp (Cống Bà Luyện)	681/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	766			564	202		560			560			
94	Xây dựng sân thể thao Giang Nam	635/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.775		300	493	982		493			493	0		
95	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng nhà văn hóa thôn Tuấn Lễ	637/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.197		200	500	497		500			500	0		
96	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng nhà văn hóa thôn Xuân Mỹ	631/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.137		200	500	437		500			500	0		
97	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng nhà văn hóa thôn Tú Thủy	636/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.184		200	500	484		526			500	26		
98	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng nhà văn hóa thôn Lục Lễ	634/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.199		200	500	499		526			500	26		
99	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng nhà văn hóa thôn Luật Chánh	633/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.130		200	500	430		524			500	24		
100	Bê tông xi măng tuyến đường từ cầu sông Cạn đến nhà Trương Sang	639/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	1.253		300	479	474		439			400	39		

Thygar

101	Nội đồng thôn Lục Lễ	638/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	1.253		400	474	379		505		470	35		
102	Xây dựng tường rào và nâng cấp sân trường mầm non (cụm trường Tuấn Lễ và Giang Nam), xã Phước Hiệp.	8973/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	1.000			420	580		895		420	475		
103	Xây dựng mới chợ Lục Lễ, xã Phước Hiệp. Hạng mục: Xây dựng ki ốt chợ	991/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	3.464			1.497	1.967		1.498		1.498	0		
104	Tuyến đường từ đường bê tông nhựa đến cầu Đình.XM	720/QĐ-UBND ngày 28/12/2024	1.461		133	498	830		631		133	498		
105	Nâng cấp, mở rộng thảm nhựa đoạn đường từ cuối tràn trên trường THCS, quanh công viên trước UBND xã, lát vỉa hè tuyến đường từ trường THCS xã Phước Hiệp đến nhà Nguyễn Thành Trú	1866/QĐ-UBND ngày 10/04/2024	6.442			1.778	4.664		1.778			1.778		
106	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH 42 đến giáp đường cầu Đới 10 thôn Giang Bắc, xã Phước Hiệp.	3617/QĐ-UBND ngày 05/06/2024	4.042			1.027	3.015		1.027			1.027		
107	Sân Vận động xã Phước Hiệp, Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, san nền Tường rào	567/QĐ-UBND ngày 06/02/2025	9.759			1.816	7.943		347			347		
108	Gia cố đoạn đê sông bờ bắc, bờ nam đoạn hạ lưu cầu dôi 10 thôn Giang Bắc xã Phước Hiệp	11712/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	3.435			2.371	1.064		0					
B	CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ MỚI		0	0	0	0	0	0	2.000	0	2.000	0	0	0
1	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc, nhà vệ sinh các phòng, ban khối UBND xã								500		500			
2	Nâng cấp sửa chữa hệ thống điện, thiết bị Đảng uỷ và UBND xã								300		300			
3	Quy hoạch chung xã Tuy Phước Bắc								200		200			
4	Xây dựng công hóp thôn Giang Nam								450		450			
5	Sửa chữa hệ thống camera AN các tuyến đường xã								150		150			
6	Xây dựng rãnh thoát nước mặt đoạn nhà thờ Luật Lễ - Trường TH số 1 Phước Hiệp								400		400			

Thy